

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 07 – 5 – 2018.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Siphah

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Chí A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái N và anh Lê Chí A đăng ký kết hôn lần 1 vào năm 2011, tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng. Vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên năm 2014 Chị N và Anh A

ra Tòa ly hôn.

Đến năm 2015, Anh A hứa sửa đổi tính tình nên Chị N và Anh A đăng ký kết hôn lần 2 vào ngày 23/7/2015 tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông An không lo làm ăn, và quan tâm chăm sóc vợ con. Chị N đã nhiều lần khuyên nhưng Anh A không sửa đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị N yêu cầu ly hôn với Anh A.

Về con chung: Chị N và Anh A có 02 người con chung tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 05/7/2012, giới tính nữ và Lê Bảo Tường, sinh ngày 18/5/2017, giới tính nam. Hiện Anh A đang nuôi cháu Nhi, còn Chị N nuôi cháu Tường.

Vợ chồng ly hôn Chị N đồng ý giao con chung tên Lê Yến Nhi cho Anh A tiếp tục nuôi dưỡng, Chị N yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Bảo Tường; Chị N và Anh A không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị N và Anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Chí A được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập xét xử lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: 01 CMND, sổ hộ khẩu (bản sao); 02 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc) và 01 biên bản hòa giải cơ sở ngày 09/11/2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Chí A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án Anh A không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Anh A.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và Anh A kết hôn lần đầu vào năm 2011, vợ chồng chung sống đến năm 2015 do phát sinh mâu thuẫn nên Chị N và Anh A ly hôn. Đến ngày 23/7/2015 Anh A và Chị N đăng ký kết hôn lại lần 2 tại UBND xã Minh Thuận. Sau khi kết hôn lần 2 Chị N và Anh A nhiều lần phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử động viên giải thích nhưng Chị N kiên

quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị N và Anh A đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị N được ly hôn với Anh A.

[2]. Về con chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn Anh A không có ý kiến gì về phần con chung. Theo yêu cầu của Chị N, hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 05/7/2012, giới tính nữ, cho Anh A tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Lê Bảo Tường, sinh ngày 18/5/2017, giới tính nam cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị N và Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và Anh A có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở.

[3]. Về chia tài sản chung: Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006732 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ái N và anh Lê Chí A.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 05/7/2012, giới tính nữ, cho Anh A nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Lê Bảo Tường, sinh ngày 18/5/2017, giới tính nam cho Chị N nuôi dưỡng.

Chị N và Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và Anh A có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không

xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006732 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Kiên Giang.
- VKSND H.U Minh Thượng.
- Chi cục THA Dân sự H.U Minh Thượng.
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Tuấn Khanh

